

Bản án số: 21/2024/HNGĐ - ST

Ngày 28/6/2024

V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng
con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Như Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Tuấn Thịnh

2. Ông Nguyễn Việt Bình

Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quyết Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Ngày 28 tháng 6 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 30/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

1 - Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị M.**

Địa chỉ: **Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai** - Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Hoa H** - Trợ giúp viên pháp lý - **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L** - Có mặt.

2 - Bị đơn: Anh **Đỗ Văn D.**

Địa chỉ: **Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai** - Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà **Đỗ Thị Thu B** - Trợ giúp viên pháp lý - **Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L** - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2024 và các bản tự khai của chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** cùng toàn bộ tài liệu chứng cứ đã có trong hồ sơ vụ án thì chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân xã P**, tỉnh Lào Cai vào thời gian ngày 17/9/2015. Sau ngày kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị **Phạm Thị M** làm đơn xin ly hôn anh **Đỗ Văn D** là do bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, anh **D** nghi ngờ chị có quan hệ

bất chính với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng anh chị đã được gia đình, anh em khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị **Phạm Thị M** có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với anh **Đỗ Văn D**. Anh **Đỗ Văn D** cũng nhất trí ly hôn với lý do tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị đã có 02 con chung. Cháu lớn: **Đỗ An K** - Sinh ngày: 11/10/2015; Cháu thứ hai: **Đỗ Băng B1** - Sinh ngày: 02/3/2020. Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường và các cháu đang ở cùng với anh **Đỗ Văn D** tại gia đình ông bà nội tại **thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai**. Khi ly hôn chị **Phạm Thị M** có yêu cầu và nguyện vọng xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đỗ Băng B1** - Sinh ngày 02/3/2020 và để anh **Đỗ Văn D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đỗ An K** - Sinh ngày: 11/10/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh **Đỗ Văn D** không nhất trí yêu cầu của chị **Phạm Thị M** về việc nuôi dưỡng con chung và anh có yêu cầu và đề nghị xin được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và anh không yêu cầu chị **Phạm Thị M** phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung cho các cháu. Với lý do anh cho rằng các cháu đang ở với anh ổn định, bản thân anh là công nhân có mức lương ổn định đủ điều kiện để nuôi dưỡng các cháu đồng thời có sự hỗ trợ giúp đỡ của ông bà nội. Do vậy cuộc sống của các cháu sẽ được ổn định và đảm bảo hơn.

Về tài sản chung: Chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** đều xác nhận trong thời gian chung sống anh chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung, nên khi ly hôn anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Nên khi ly hôn anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa những người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn sau khi phân tích, đánh giá nội dung của vụ án và điều đưa ra quan điểm, ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55, 57 Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn. Xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D**.

Về con chung: Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đề nghị của nguyên đơn xử giao cháu **Đỗ Băng B1** - Sinh ngày 02/3/2020 cho chị **Phạm Thị M** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu **Đỗ An K** - Sinh ngày 11/10/2015 cho anh **Đỗ Văn D** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu đề nghị của bị đơn xử giao cả 02 cháu **Đỗ An K** - Sinh ngày 11/10/2015 và cháu **Đỗ Băng B1** - Sinh ngày 02/3/2020 cho anh **Đỗ Văn D** được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh **Đỗ Văn D** không yêu cầu chị **Phạm Thị M** phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các bên đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** đều nhất trí với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và không bổ xung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** kết hôn với trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **ủy ban nhân dân xã P**, tỉnh Lào Cai vào thời gian ngày 17/9/2015. Đây là một hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau ngày kết hôn, vợ chồng về chung sống hoà thuận hạnh phúc đến tháng 9/2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến việc chị **Phạm Thị M** làm đơn xin ly hôn anh **Đỗ Văn D** là do bất đồng quan điểm trong làm ăn và tạo dựng cuộc sống gia đình, nuôi dạy con cái, anh **D** nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người khác, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, thiếu sự tôn trọng đối với bản thân và đôi bên gia đình. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng anh chị đã được gia đình, anh em khuyên giải nhưng đều không có kết quả. Thực tế vợ chồng đã tự sống ly thân từ tháng 9/2023 cho đến nay, không ai quan tâm gì đến nhau nữa. Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị **Phạm Thị M** có yêu cầu và nguyện vọng xin được ly hôn với anh **Đỗ Văn D**. Anh **Đỗ Văn D** cũng nhất trí ly hôn với chị **Phạm Thị M**, lý do tình cảm vợ chồng không còn.

Tại phiên tòa hôm nay chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với lý do tình cảm vợ chồng không còn mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được.

Xét yêu cầu của của chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các qui định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Bởi lẽ mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** là có căn cứ đúng pháp luật.

[2]. Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị **Phạm Thị M** và anh anh **Đỗ Văn D** đều xác nhận: Chị và anh **Đỗ Văn D**, chung sống với nhau đến nay đã có 02 con chung: Cháu lớn: **Đỗ An K** - Sinh ngày: 11/10/2015; Cháu thứ hai: **Đỗ Băng B1** - Sinh ngày: 02/3/2020. Hiện nay các cháu đều khỏe mạnh phát triển bình thường không ốm đau bệnh tật gì và hiện tại cả hai cháu đang ở với anh **Đỗ Văn D** tại gia đình ông bà nội tại **thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai**. Khi ly hôn chị **Phạm Thị M** có yêu cầu và nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu **Đỗ Băng B1** - Sinh ngày 02/3/2020 và để anh **Đỗ Văn D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đỗ An K** - Sinh ngày: 11/10/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Anh **Đỗ Văn D** không nhất trí với yêu cầu của chị **Phạm Thị M** về con chung và có yêu cầu, đề nghị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 02 cháu cho đến khi các cháu trưởng thành và không yêu cầu chị **Phạm Thị M** phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu của chị **Phạm Thị M**, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa về việc nuôi dưỡng con chung để chị **Phạm Thị M** được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đỗ Băng B1** và để anh **Đỗ Văn D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **Đỗ An K** là có căn cứ. Bởi lẽ kể từ khi anh chị sống ly thân thì các cháu vẫn ở với anh **Đỗ Văn D** tại gia đình bà nội. Tuy nhiên chị **Phạm Thị M** vẫn thường xuyên đến thăm nom, chăm sóc các cháu, việc này bản thân anh **Đỗ Văn D** cũng thừa nhận. Mặt khác bản thân chị **Phạm Thị M** có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Việc anh **Đỗ Văn D** có nghi ngờ chị **Phạm Thị M** có quan hệ bất chính với người khác là không có căn cứ chứng minh. Do vậy anh, chị đều có đủ điều kiện khả năng để chăm sóc các con, đảm bảo sự ổn định cho các cháu về tâm lý cũng như trong sinh hoạt và quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị **Phạm Thị M** về việc nuôi dưỡng con chung và giao cháu **Đỗ Băng B1** - Sinh ngày: 02/3/2020 cho chị **Phạm Thị M** chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục và giao cháu **Đỗ An K** sinh ngày 11/10/2015 cho anh **Đỗ Văn D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với tâm tư nguyện vọng của các cháu, phù hợp với các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị chưa tạo dựng được tài sản gì chung, nên khi ly hôn anh, chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về công nợ chung: Chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** đều xác nhận trong thời gian chung sống anh, chị không vay mượn gì của ai và cũng không cho ai vay mượn gì. Khi ly hôn anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D**.

2. Về con chung: Giao cháu **Đỗ Bằng B1** - Sinh ngày: 02/3/2020 cho chị **Phạm Thị M** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu **Đỗ An K** - Sinh ngày 11/10/2015 cho anh **Đỗ Văn D** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung.

Sau khi ly hôn, chị **Phạm Thị M** và anh **Đỗ Văn D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị **Phạm Thị M** phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000846 ngày 18/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị **Phạm Thị M** đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng;
- Chi cục THA dân sự huyện Bảo Thắng;
- UBND xã Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng;
- Các đương sự (02);
- Lưu HS - TA - VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán chủ tọa phiên tòa

Phạm Như Long